

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10-CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 8 – 2025

V/v Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Bảy

Ông Nguyễn Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út-Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2025/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2025, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn P, ngày sinh 01/01/1978, CCCD: 094078009492

- *Bị đơn:* Bà Tân Thị T, ngày sinh 01/01/1976

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, nay là xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 02/4/2025 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn P trình bày:*

Vào năm 2001, ông và bà Tân Thị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện; Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N cấp. Do vợ chồng không cùng quan điểm, nên sống chung thường hay cãi nhau. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể duy trì được, nên ông xin ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung là Ngô Tân T1, ngày sinh 13/9/2001 và Ngô Thảo T2, ngày sinh 08/7/2014, hiện sống chung với cha, mẹ.

Nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với bà Tân Thị T.

- Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Ngô Thảo T2, ngày sinh 08/7/2014 đến khi con đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà Tân Thị T cấp dưỡng nuôi con; còn Ngô Tân T1, ngày sinh 13/9/2001 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Tân Thị T không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10-Cần Thơ cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn; còn về con chung thì giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Tân Thị T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; Nguyên đơn ông Ngô Văn P vắng mặt, nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tân Thị T và ông Ngô Văn P tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 14/5/2001, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà T, ông P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến thời điểm này, cả bà R và ông C cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông P và bà T có 02 người con chung tên là Ngô Tân T1, ngày sinh 13/9/2001 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Ngô Thảo T2, ngày sinh 08/7/2014, cả hai đương sự đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con này .

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu T2 có nguyện vọng sống chung với mẹ; từ nhỏ cháu T2 đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con của ông P, giao cháu T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho ông P, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn P

- 1) Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn P được ly hôn với bà Tân Thị T.
- 2) Về con chung: Giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Thảo T2, ngày sinh 08/7/2014, đến đủ 18 tuổi; ông P được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.
- 3) Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- 5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông P phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001297, ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10-Cần Thơ. Như vậy, ông P đã nộp xong án phí sơ thẩm.
- 6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 10-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10-Cần Thơ (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng